TÒA ÁN NHÂN DÂN **H. TÂN PHÚ ĐÔNG** TỈNH TIỀN GIANG _____	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 43/2019/QĐST-DS	*Tân Phú Đông, ngày 23 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 15 tháng 7 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 43/2019/TLST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị H , sinh năm 1960

Địa chỉ: Ấp Tân Q , xã Tân Th, huyện A, tỉnh B.

- Bị đơn: Bà Huỳnh Thị T , sinh năm 1963

Hộ khẩu thường trú: ấp Bình T1, xã Thạnh Nh , huyện Z, tỉnh B

Chỗ ở hiện nay: Ấp Tân Ph , xã Tân Th , huyện A, tỉnh B.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Bà T có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền nợ hụi là 158.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tám triệu đồng). Cụ thể như sau:

+ Lần 1: ngày 15/12/2019 trả 50.000.000 đồng.

+ Lần 2: ngày 15/3/2020 trả 50.000.000 đồng.

+ Lần 3: ngày 15/6/2020 trả 58.000.000 đồng.

- *Về án phí:*

+ Bà H nộp 950.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.950.000 đồng theo biên lai thu số 49150 ngày 18/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A nên hoàn lại cho bà H số tiền 3.000.000 đồng.

+ Bà T nộp 1.975.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà T tự nguyện nộp thay cho bà H số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.025.000 đồng. Như vậy, tổng cộng bà T có nghĩa vụ nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.000.000 đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi

hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện A;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Phan Thị Kiều O